TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số:11/2019/DS- ST
Ngày 18 - 4 -2019
V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐĂK LĂK

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa*: Ông Đặng Ngọc Thắng

- *Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mạnh và Trương Minh Mẫn*

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Quốc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 217/2018/TLST-DS, ngày 6 tháng 8 năm 2018, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05 /2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/DS-ST ngày 01/4/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A

Địa chỉ: Thôn X, xã E T, huyện C K, tỉnh Đăk Lăk (vắng mặt)

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th

Địa chỉ: đường HV, TT QP, huyện C M, tỉnh ĐăkLăk. (có mặt)

- Đồng bị đơn: Ông Phạm Văn H và bà Hoàng Thị T

Cùng trú tại: thôn Z, E H, huyện C M, tỉnh ĐăkLăk. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Đức B và bà Nguyễn Thị C

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn Y, xã E T, huyện C K, tỉnh Đăk Lăk (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** Theo nội dung đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị A trình bày:

Do mối quan hệ quen biết với nhau nên trong khoảng thời từ tháng 3/2017 đến tháng 4/2017 tôi cho vợ chồng bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn H mượn với số tiền vào các lần như sau:

Ngày 01/3/2017 bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn H mượn 45.000.000đ và hẹn sẽ trả trong tháng 3/2017.

Ngày 06/3/2017 bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn H mượn 10.000.000đ và hẹn sẽ trả trong tháng 3/2017.

Ngày 28/4/2017 bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn H mượn 40.000.000đ.

Tổng số nợ mà bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn H mượn của tôi là 95.000.000đ.

Mỗi lần nhận tiền bà T đều viết giấy xác nhận tiền nợ và thời hạn trả nợ. khi đến thời hạn thanh toán, mặc dù tôi đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà T thanh toán lại số tiền đã mượn nói trên cho tôi nhưng vợ chồng bà T cứ khất lần không chịu thanh toán.

Ngày 14/2/2018 bà T lập giấy mượn tiền với nội dung cam kết sẽ thanh toán cho tôi cả 3 khoản trên trong vòng một tháng kể từ ngày 14/2/2018 đến ngày 14/3/2018 có sự bảo lãnh của ông Trần Đức B và bà Nguyễn Thị C. Nhưng đến nay vợ chồng bà T vẫn chưa hoàn trả lại số tiền đã mượn cho tôi như cam kết.

Nay tôi đề nghị Tòa án xem giải quyết buộc vợ chồng ông Phạm Văn H và bà Hoàng Thị T phải trả cho tôi số tiền 95.000.000đ và lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 14/3/2018.

* Người có đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày: nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không yêu cầu gì khác.

* Bị đơn bà Hoàng Thị T trình bày:

Ngày 01/3/2017 và ngày 06/3/2017 và ngày 28/4/2017 tôi có mượn của bà Nguyễn Thị A số tiền 95.000.000đ nhưng thực tế tôi nhận là 90.000.000đ. trong số tiền này có con trai tôi nhận thay tôi 10.000.000đ, tôi có hẹn với bà A sẽ trả vào ngày 30/12/2018 nhưng do kinh tế khó khăn nên tôi không trả được. Ngày 14/2/2018 tôi có viết giấy vay tiền lại với bà Hòa có ông Trần Đức B và bà Nguyễn Thị C ký bảo lãnh nhưng thực tế thì ông B và bà C không liên quan gì đến việc tôi vay số tiền.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Đức B và bà Nguyễn Thị C trình bày:

Do bà Hoàng Thị T là chị họ và bà Nguyễn Thị A là hàng xóm nên tôi có ký vào giấy tờ vay nợ của các bên chứ chúng tôi không có biết việc vay mượn của các bên vay số tiền bao nhiêu và thời hạn trả nợ khi nào. Do đó, việc vay mượn trên không hề liên quan đến chúng tôi và mong tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar phát biểu ý kiến:

- *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán*: Thẩm phán về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự nhưng còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa*: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Đối với đương sự*:

Nguyên đơn: Thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đồng bị đơn: không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Phạm Văn H và bà Hoàng Thị T không tham gia tố tụng

Về nội dung: Về quan hệ pháp luật tranh chấp đây là quan hệ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại điều Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật về nội dung và hình thức. Bên vay đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Căn cứ các Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Phạm Văn H và bà Hoàng Thị T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền nợ gốc là 95.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 14/3/2018.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Xét thấy việc bà Hoàng Thị T có ký giấy mượn tiền với bà Nguyễn Thị A là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, do không trả được nợ nên đã phát sinh quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn H có hộ khẩu tại xã Ea H' đing, huyện Cư Mgar, tỉnh Đăk Lăk. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyên Cư Mgar nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Phạm Văn H thông qua bà Hoàng Thị T. Tuy nhiên, ông H vẫn không tham gia tố tụng tại phiên tòa. Trong quá trình đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn H vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2] *Về nội dụng*: Quá trình lấy lời khai và bản tự khai bà Hoàng Thị T đều thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị A số tiền 95.000.000đ nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên gia đình bà chưa trả được cho bà A. Căn cứ vào các Tòa án thu thập thì vào các ngày 01/3/2017, ngày 06/3/2017 và ngày 28/4/2017 bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn H có ký nhận vay của bà Nguyễn Thị A số tiền tổng cộng là 95.000.000đ, sau đó vào ngày 14/02/2018 bà Hoàng Thị T viết lại giấy hẹn đến ngày 14/3/2018 bà Hoàng Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền 95.000.000đ. Việc bà Hoàng Thị T vay của bà Nguyễn Thị A 95.000.000đ, số tiền này ông Phạm Văn H có ký nhận vay lần thứ ba vào ngày 28/4/2017 nên ông Phạm Văn H phải có nghĩa vụ cùng với bà Hoàng Thị T trả nợ cho bà A. Như vậy, việc bà Hoàng Thị T ký kết hợp đồng vay tiền 95.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị A là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ Luật dân sự năm 2015. Đến thời hạn trả nợ nhưng bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn H không thực hiện nghĩa vụ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, được quy định tại điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Từ những căn cứ và nhận định nêu trên; Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phạm Văn H và bà Hoàng Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị A số tiền nợ gốc là 95.000.000đ theo quy định của pháp luật.

[3] *Về lãi suất*: Bà Nguyễn Thị A yêu cầu ông Phạm Văn H và bà Hoàng Thị T phải có nghĩa vụ trả lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày hết hạn trả nợ ngày 14/3/2018. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu về lãi suất của bà A là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, cần áp dụng khoản 4 Điều 466; khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất. Cụ thể:

- Tiền lãi tính từ ngày 14/3/2018 (*ngày hết hạn trả nợ*) đến ngày 18/04/2019 (*ngày xét xử sơ thẩm*) là 01 năm 01 tháng 04 ngày (*lãi suất 10%/năm,*):

95.000.000 đồng x 10%/năm x 01 năm 01 tháng 04 ngày = 10.385.000đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 95.000.000 + 10.385.000đ = 105.385.000đ (*một trăm lẽ năm triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn đồng*)

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị A không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M’gar, tỉnh Đăk Lăk.

Đồng bị đơn ông Phạm Văn H và bà Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; cụ thể:

105.385.000đ x 5% = 5.269.000đ (năm triệu hai trăm sáu mươi chín ngàn đồng)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 280; Điều 288; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A

Buộc ông Phạm Văn H và bà Hoàng Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền là 105.385.000đ (*một trăm lẽ năm triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn đồng*).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

**** Về án phí dân sự sơ thẩm:***

- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị A khoản tiền tạm ứng đã nộp là 2.464.000đ, theo biên lai số AA/2017/0006695, ngày 27/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đăk Lăk.

- Ông Phạm Văn H và bà Hoàng Thị T phải chịu 5.269.000đ (năm triệu hai trăm sáu mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đồng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Ngọc Thắng

THÀNH VIÊN ĐỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**